| | |
|---|---|
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

## *1.* THÔNG TIN CHUNG *(General information):*

| | |
|---|---|
| - Tên học phần (*tiếng Việt*) | : Phân tích hoạt động kinh doanh |
| - Tên học phần (*tiếng Anh*) | : Operating activities analysis |
| - Mã học phần | : HM3069 |
| - Trình độ | : Đại học |
| - Loại học phần | □ Bắt buộc  Tự chọn |
| - Thuộc thành phần | □ Kiến thức giáo dục đại cương<br>□ Kiến thức cơ sở khối ngành<br>□ Kiến thức cơ sở ngành<br>□ Kiến thức ngành / chuyên ngành<br>  Kiến thức cuối khoá |
| - Khoa, Bộ môn phụ trách | : Quản trị kinh doanh |
| - Số tín chỉ<br>*(Lý thuyết, thực hành, Tự học)* | : 3(3, 0, 6) |
| - Phân bổ thời gian | - Lên lớp (lý thuyết): 45 giờ<br>- Làm việc nhóm, thực hành, thảo luận:0 giờ<br>- Tự học, tự nghiên cứu: 105 giờ |
| - Học phần tiên quyết | : Không |
| - Học phần học trước | : Kinh tế du lịch, Quản trị học, Quản trị dự án |
| - Học phần song hành | : Không |

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (Course description):

Học phần này trình bày các vấn đề về phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích tình hình sản xuất, phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, phân tích tình hình thu nhập, báo cáo tài chính.

## 3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có:

| Ký hiệu (Ox) | Mục tiêu học phần |
|---|---|
| **Kiến thức** | |
| **O1** | Hiểu được vai trò và chức năng của phân tích hoạt động kinh doanh, ý nghĩa của qui trình phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kinh tế thị trường. |
| **O2** | Hiểu và phân tích được hoạt động kinh doanh, phân tích tình hình sản xuất, phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, phân tích tình hình thu nhập và báo cáo tài chính. |
| **Kỹ năng** | |
| **O3** | Có kỹ năng thực hành phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích tình hình sản xuất, phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, phân tích tình hình thu nhập và báo cáo tài chính trong doanh nghiệp. |
| **O4** | Có kỹ năng đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hiệu quả |
| **Mức tự chủ và trách nhiệm** | |
| **O5** | Có thái độ đúng đắn về hoạt động kinh doanh, tình hình sản xuất, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, tình hình thu nhập và báo cáo tài chính. |

## *4.* CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN *(Course learning outcomes - CLOs)*

| Ox | CLOx | PLOx |
|---|---|---|
| **Kiến thức** | | |
| O1, O2 | CLO1: Hiểu được các chức năng cơ bản của phân tích hoạt động kinh doanh<br>CLO2: Hiểu được và giải thích được qui trình phân tích hoạt động kinh doanh | PLO2, PLO3, PLO4 |
| **Kỹ năng** | | |
| O3, O4 | CLO3: Xây dựng và phân tích được hoạt động kinh doanh trong một DN.<br>CLO4: Đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. | PLO6, PLO7 |
| **Mức tự chủ và trách nhiệm** | | |
| O5 | CLO5: Có thái độ tích cực, chủ động trong tìm hiểu kiến thức chuyên ngành có liên quan và tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học. | PLO11 |

## 5. NỘI DUNG HỌC PHẦN (Contents of course)

### *5.1. Lý thuyết:*

| Số TT | Nội dung<br>*(Tên bài giảng)* | Số giờ | | | | TỔNG |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thảo luận nhóm | Tự học | Khác (nếu có) | |

| | | Số giờ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Bài 1**<br>**Số TT** | **Nội dung**<br>*(Tên bài giảng)*<br>**Chương 1. Tổng quan về phân tích hoạt động kinh doanh**<br>1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu<br>1.1. Đối tượng<br>1.2. Phương pháp nghiên cứu<br>2. Tác dụng của hoạt động kinh doanh trong hệ thống quản lý của DN<br>3. Nội dung của phân tích hoạt động kinh doanh<br>4. Các chỉ tiêu và hệ thống chỉ tiêu thường dùng trong phân tích hoạt động kinh doanh<br>5. Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả phân tích<br>6. Các phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh<br>6.1. Phương pháp chi tiết (Phương pháp phân chia)<br>6.2. Phương pháp so sánh<br>6.3. Phương pháp thay thế liên hoàn<br>6.4. Phương pháp chênh lệch<br>6.5. Phương pháp cân đối<br>7.Tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh<br>7.1. Khái quát chung về tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh<br>7.2. Các loại phân tích hoạt động kinh doanh<br>7.3. Tổ chức lực lượng phân tích hoạt động kinh doanh<br>7.4. Quy trình tổ chức công tác phân tích hoạt động kinh doanh<br>8. Tóm tắt nội dung | **9** | | **2**<br>**1** | | **TỔNG**<br>**30** |
| **Bài 2** | Chương 2. Phân tích kết quả và tình hình sản xuất của doanh nghiệp.<br>1. Phân tích kết quả sản xuất<br>1.1. Thị trường sản phẩm<br>1.2. Đánh giá quy mô sản xuất và sự thích ứng với thị trường<br>2. Phân tích các quan hệ cân đối chủ yếu trong sản xuất | **9** | | **2**<br>**1** | | **30** |

| | | Số giờ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Số TT** | **Nội dung**<br>*(Tên bài giảng)* | | | | | **TỔNG** |
| | 2.1. Phân tích kết quả sản xuất theo mặt hàng (ngành hàng)<br>2.2. Phân tích tính đồng bộ của sản xuất<br>2.3. Phân tích chất lượng sản phẩm<br>2.3.1. Phân tích tình hình sai hỏng trong sản xuất<br>2.3.2. Phân tích thứ hạng chất lượng sản phẩm<br>- Thảo luận và bài tập<br>3. Tóm tắt nội dung | | | | | |
| **Bài 3** | **Chương 3. Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất kinh doanh**<br>1. Ý nghĩa & nhiệm vụ phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất<br>2. Phân tích tình hình lao động<br>2.1. Phân tích tình hình sử dụng số lượng lao động<br>2.2. Phân tích tình hình sử dụng năng suất lao động<br>3.Phân tích tình hình trang bị và sử dụng TSCĐ<br>3.1. Phân tích chung tình hình sử dụng TSCĐ<br>3.2. Phân tích tình hình sử dụng MMTBSX<br>4. Phân tích tình hình cung cấp NVL cho sản xuất<br>4.1. Phân tích tình hình cung cấp NVL theo số lượng (tổng khối lượng NVL)<br>4.2. Phân tích tình hình cung cấp NVL chủ yếu<br>5. Phân tích quan hệ giữa kết quả SX với SD các yếu tố SX, KD<br>- Thảo luận và bài tập<br>6. Tóm tắt nội dung | **9** | | **21** | | **30** |
| **Bài 4** | **Chương 4: Phân tích chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm**<br>1. Ý nghĩa & nội dung phân tích chi phí kinh doanh & giá thành sản phẩm | **9** | | **21** | | **30** |

| | | Số giờ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Số TT** | **Nội dung**<br>*(Tên bài giảng)* | | | | | **TỔNG** |
| | 2. Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch chi phí kinh doanh & giá thành sản phẩm<br>2.1. Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch chi phí kinh doanh<br>2.2. Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của toàn bộ sản phẩm<br>3. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành của những sản phẩm có thể so sánh được<br>3.1. Khái niệm và chỉ tiêu phân tích<br>3.2. Nội dung, trình tự và phương pháp phân tích<br>4. Phân tích một số khoản mục giá thành chủ yếu<br>4.1. Phân tích chi phí nguyên vật liệu<br>4.2. Phân tích chi phí nhân công<br>4.3. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch chi phí sản xuất chính<br>- Thảo luận và bài tập<br>5. Tóm tắt nội dung | | | | | |
| **Bài 5** | **Chương 5: Phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận**<br>1. Phân tích tình hình tiêu thụ<br>1.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ<br>1.2. Phân tích chung tình hình tiêu thụ<br>1.3. Phân tích những nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ<br>1.4. Phân tích khối lượng SP tiêu thụ theo điểm hòa vốn<br>1.5. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch tiêu thụ mặt hàng chủ yếu (theo đơn đặt hàng)<br>2. Phân tích tình hình lợi nhuận<br>2.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ<br>2.2. Các bộ phận cấu thành lợi nhuận của DN<br>2.3. PT tình hình lợi nhuận về tiêu thụ SP<br>2.4. Phân tích tỷ suất lợi nhuận (khả năng sinh lời) | **9** | | **21** | | **30** |

| | | Số giờ | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Số TT** | **Nội dung** *(Tên bài giảng)* | | | | | **TỔNG** |
| | - Thảo luận và bài tập<br>3. Tóm tắt nội dung<br>Tổng kết và tóm tắt môn học<br>Giải đáp câu hỏi | | | | | |
| **TỔNG** | | **45** | | **105** | | **150** |

*(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)*

***5.2. Thực hành:***

| **Số TT** | **Nội dung** *(Tên bài giảng)* | **Số giờ** | | | | **TỔNG** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | … | … | … | … | |
| **Bài 1** | | | | | | |
| **Bài 2** | | | | | | |
| **Bài 3** | | | | | | |
| **TỔNG** | | | | | | |

*(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)*

## 6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC *(Teaching – Learning methods):*

***6.1. Phương pháp giảng dạy:***

- Lý thuyết: Trình chiếu slide bài giảng, Thuyết giảng, Giải quyết vấn đề, học theo tình huống, hướng dẫn giải bài tập.

- Thực hành:

***6.2. Phương pháp học:***

- Lý thuyết:

- Dự lớp: theo qui định chung của trường,

- Sinh viên đọc trước slide bài giảng của học phần và những tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước mỗi buổi học

- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn trên lớp, và các bài kiểm tra tại lớp: các điểm này sẽ được đánh giá vào cột điểm quá trình của sinh viên.

- Thực hành:

## *7.* TÀI LIỆU DẠY - HỌC, THAM KHẢO *(Learning materials)*

***7.1. Tài liệu dạy học:*** *chỉ có 1 tài liệu – bắt buộc bằng tiếng Việt*

[1] Phạm Văn Dược, Huỳnh Đức Lộng, Lê thị Kim Tuyết (2014). *Phân tích hoạt động kinh doanh*, tái bản lần 2, Nhà Xuất bản Kinh tế TPHCM.

***7.2. Tài liệu tự học và tham khảo:*** *từ 3-5 tài liệu, một số học phần có thể có 7 tài liệu, (cả tiếng Việt và tiếng Anh)*

[1] Bùi Xuân Phong (2007). *Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh*. Nhà Xuất Bản Thông tin và truyền thông. Hà Nội.

[2] Phạm Văn Dược, Trần Phước (2010). *Phân tích hoạt động kinh doanh*. Nhà Xuất Bản Đại học Công nghiệp Tp.HCM.

***7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành***

1) Máy chiếu, Laptop,
2) Phần mềm Microsoft Office,
3) Bông lau, bút viết bảng.

## 8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ *(Testing and assessment methods)*

### *8.1. Thang điểm đánh giá:*

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

| Loại | Thang điểm 10 | Điểm chữ | Quy đổi thang điểm 4 |
|---|---|---|---|
| Đạt (các học phần được tính vào điểm trung bình học tập) | 8,5 – 10 | A | 4 |
| | 7,0 – 8,4 | B | 3 |
| | 5,5 – 6,9 | C | 2 |
| | 4,0 – 5,4 | D | 1 |
| *Đạt (các học phần chỉ yêu cầu đánh giá "Đạt" và không tính điểm trung bình học tập)* | *Từ 5,0 trở lên* | *P* | |
| Không đạt | < 4,0 | F | 0 |

### *8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:*

| Hoạt động | Hình thức đánh giá | Công cụ đánh giá | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|
| *Hoàn thành bài tập theo nhóm* | *Chấm bài tập* | *Rubic 1* | *100%* |

### *8.3. Phương pháp đánh giá học phần:*

| Nội dung đánh giá | | Hình thức đánh giá | Công cụ đánh giá | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|
| *Đánh giá quá trình* | *Chuyên cần* | *Điểm danh, ý thức học tập* | *Rubic 1* | *10%* |
| | *Kiểm tra thường xuyên* | *Trắc nghiệm* | *Rubic 2* | *30%* |
| | | *Câu hỏi ngắn* | | |
| | | *Tình huống* | | |
| | | *Kết quả tự học* | | |
| | | ... | | |
| *Kết thúc học phần* | *Nộp báo cáo* | *Tiểu luận* | *Rubic 3* | *60%* |

*(Tỷ lệ Thi kết thúc học phần: Khối Sức khỏe 70% - Khối ngoài Sức khỏe 60%)*

## 9. MA TRẬN *(Matrix)*:

❖ **Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:** *(nên có ma trận này)*

| Chuẩn đầu ra của học | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) |
|---|---|

| phần (CLOs) | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** | **(8)** | **(9)** | **(10)** | **(11)** | **(12)** |
| CLO1 | | H | H | H | P | S | S | | | | | |
| CLO2 | | H | H | H | P | S | S | | | | | |
| CLO3 | | S | S | P | P | H | H | | | | | |
| CLO4 | | S | S | P | P | H | H | | | | | |
| CLO5 | | P | P | P | P | S | S | | | | H | |

***Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện***

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra — Partial supported

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra — Supported

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra — Highly supported

Để trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

*Ngoài ra có thể viết thêm ma trận khác nếu có điều kiện:*

❖ **Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra của học phần**

| **PP dạy -học** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)** | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** | **(8)** | **(9)** |
| Thuyết trình | P | P | S | H | H | S | | | |
| Thảo luận nhóm | H | H | H | H | H | H | | | |
| Hỏi – trả lời | P | P | S | H | H | S | | | |
| Báo cáo chuyên đề | | | | | | | | | |
| Bài tập | | | | | | | | | |
| **….** | | | | | | | | | |

❖ **Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần**

| **PP kiểm tra, đánh giá** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)** | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** | **(8)** | **(9)** |
| Lý thuyết | P | P | S | H | H | S | | | |
| Điểm chuyên cần | H | H | H | H | H | H | | | |
| Điểm kiểm tra MCQ | P | P | S | H | H | S | | | |
| Điểm thi kết thúc MCQ | | | | | | | | | |
| Thực hành | | | | | | | | | |

| PP kiểm tra, đánh giá | Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs) | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| Kế hoạch thực hành, bệnh án … | | | | | | | | | |
| Thi kết thúc | | | | | | | | | |

- **Ma trận tương thích nội dung dạy – học và chuẩn đầu ra của học phần**
- **Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và nội dung dạy – học**

## *10.* RUBIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ *(Scoring guide/Rubric)*:

***Rubic 1: Điểm danh, đánh giá điểm chuyên cần***

| ***Kiểm tra trên lớp*** | **MỨC A (8.5-10)** | **MỨC B (7.0-8.4)** | **MỨC C (5.6-6.9)** | **MỨC D (4.0-5.4)** | **MỨC F (0-3.9)** |
|---|---|---|---|---|---|
| *Hỏi bài cũ, bài mới và làm bài tập tại lớp (kiểm tra khả năng tự học của sinh viên)* | *Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 4 - 5 lần* | *Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 3 lần* | *Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 2 lần* | *Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 1 lần* | *Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 0 lần* |
| *Điểm danh đi học đầy đủ* | *Đi học đầy đủ 100% các buổi điểm danh* | *Đi học <85% các buổi điểm danh* | *Đi học 75 % các buổi điểm danh* | *Đi học <50% các buổi điểm danh* | *Đi học < 25%* |

***Rubic 2: Đánh giá quá trình***

| ***Bài kiểm tra 30 phút*** | ***Giỏi (8-10đ)*** | ***Khá(6-7đ)*** | ***TB(5đ)*** | ***Yếu(3-4đ)*** | ***Kém(0-3đ)*** |
|---|---|---|---|---|---|
| *Bài kiểm tra số 1 về về hiểu về kiến thức* | *Hiểu và thực hiện đúng 85 đến 100%* | *Hiểu và thực hiện đúng 70 đến < 85%* | *Hiểu và thực hiện đúng 50 đến< 750%* | *Hiểu và thực hiện đúng 30 đến <50%* | *Hiểu và thực hiện đúng dưới <30%* |
| *Bài kiểm tra số 2 về vận dụng kiến thức* | *Hiểu và thực hiện đúng 85 đến 100%* | *Hiểu và thực hiện đúng 70 đến < 85%* | *Hiểu và thực hiện đúng 50 đến< 750%* | *Hiểu và thực hiện đúng 30 đến <50%* | *Hiểu và thực hiện đúng dưới <30%* |

***Rubric 3: Đánh giá bài báo cáo nhóm***

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định | | | | | Trọng số |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | MỨC F (0-3.9) | MỨC D (4.0-5.4) | MỨC C (5.6-6.9) | MỨC B (7.0-8.4) | MỨC A (8.5-10) | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Nội dung báo cáo | Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu | Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu. | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý. | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, tính toán chính xác. Kết quả tính toán và chọn chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục. | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng , logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có phân tích , lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục. | 50% |
| Trình bày thuyết minh | Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đúng với nội dung theo yêu cầu | Trình tự trình bày trong thuyết minh không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ bảng biểu còn mâu thuẫn với nội dung. | Nội dung, trình tự trình bày thuyết minh phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ. | Nội dung phù hợp, trình tự cấu trúc logic rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, ghi chú phù hợp. Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế. | Nội dung phù hợp, trình tự cấu trúc logic rõ ràng đáp ứng yêu cầu. HÌnh ành, bảng biểu rõ ràng, ghi chú phù hợp. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo. | 50% |

## *11.* HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG *(Student support)*

- *Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học.*
- *Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ hatnd@hiu.vn hoặc gặp trực tiếp giảng viên vào ngày thứ 2 và 4 hàng tuần tại Văn phòng khoa KT-QT.*

*Tp.HCM, ngày 12 tháng 6 năm 2022*

**Trưởng Khoa** **Trưởng Bộ môn** **Người biên soạn**